



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT  
HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

2020



Điện thoại: 024 3838 6739/ 086 840 6996/ 083 686 2288

Facebook: <http://www.facebook.com/humg.edu/>Website: <http://www.humg.edu.vn>

## ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT  
OF MINING AND GEOLOGY

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

2020

Điện thoại: 024 3838 6739/ 086 840 6996/ 083 686 2288  
Facebook: <http://www.facebook.com/humg.edu/>Đề án Tuyển sinh năm  
2020 Trường Đại học Mỏ -  
Địa chấtTrường Đại học Mỏ - Địa chất  
thông báo Đề án tuyển sinh năm  
2020

- Kết quả xét tuyển nguyện vọng bổ sung đợt 1 năm 2019
- Thông báo thủ tục nhập học hệ đại học năm 2019
- Thông báo xét tuyển bổ sung đại học chính quy năm 2019
- Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 hệ đại học chính quy năm 2019
- Trường Đại học Mỏ - Địa chất thông báo ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với các ngành năm 2019
- Thông báo thủ tục xác nhận nhập học hệ đại học năm 2019 - đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT



## ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

## Thông báo tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học năm 2019

- Lịch thi tuyển sinh Đại học Hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2018



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**  
HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY  
Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao



→ Thông báo tuyển sinh đại học hình thức vừa học vừa làm năm 2017

→ Thông báo kế hoạch thi tuyển sinh hệ vừa học vừa làm năm 2015



## SAU ĐẠI HỌC



### Thông báo tuyển sinh SDH đợt 1 năm 2020.

→ Thông báo tuyển sinh SDH đợt 1 năm 2020

→ Thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2020

→ Thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2019 và hướng dẫn khai hồ sơ

→ Thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2019

→ Thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2018

→ Thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2018



## ĐĂNG KÝ NHẬN THÔNG TIN TUYỂN SINH

Họ tên

Điện thoại

Email

Phân hệ

Đại học chính quy ▼

Mã bảo vệ

53346



ĐĂNG KÝ



## ĐỐI TÁC



[Tin tức](#) > [Đại học chính quy](#)



## ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

# Đề án Tuyển sinh năm 2020 Trường Đại học Mỏ - Địa chất

🕒 07/01/2020

Trường Đại học Mỏ - Địa chất thông báo Đề án tuyển sinh năm 2020

### THEO DÒNG SỰ KIỆN

- Trường Đại học Mỏ - Địa chất thông báo ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với các ngành năm 2018 (16/07/2018)
- Bộ Giáo dục giải đáp hàng loạt câu hỏi "nóng" trong điều chỉnh nguyện vọng (11/07/2017)
- Phổ biến đề cương và lịch thi (Liên thông Cao đẳng lên đại học và Bằng 2 đại học hệ chính quy) (11/07/2017)

### TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT (MÃ: MDA)

### TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2020

### PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH 2020

1.1 Đối tượng tuyển sinh: **Thí sinh tốt nghiệp THPT**

1.2 Phạm vi tuyển sinh: **Trên toàn quốc**

1.3 Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2020;

Phương thức 2: Xét tuyển theo học bạ;

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng HSG theo kết quả học THPT, HSG cấp quốc gia, quốc tế;

Phương thức 4: Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 22/06/2020) đạt IELTS 4.5 trở lên hoặc TOEFL ITP 450 trở lên hoặc TOEFL iBT 53 trở lên và có tổng điểm 2 môn thi THPTQG năm 2020 theo tổ hợp môn xét tuyển của Trường trừ môn thi Tiếng Anh, đạt từ 10 điểm trở lên, trong đó có môn thi Toán.

1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh: **Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo**

**Phương thức 1,3,4: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2020, HSG theo kết quả học THPT, HSG cấp quốc gia, quốc tế**

| TT | Ngành đào tạo                                                                                                                                                      | Mã ngành | Tổ hợp xét tuyển                                                           | Chỉ tiêu XT theo điểm thi | Môn chính |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|
| A  |                                                                                                                                                                    |          |                                                                            | 2010                      |           |
| 1  | <b>Quản trị kinh doanh</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Quản trị kinh doanh<br>Quản trị kinh doanh Dầu khí<br>Quản trị kinh doanh Mỏ<br>Quản trị thương mại điện tử | 7340101  | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh<br>Toán - Hóa - Anh | 270                       | Toán      |
| 2  | <b>Kế toán</b><br>Gồm các chuyên ngành:                                                                                                                            | 7340301  | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                         | 270                       | Toán      |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|    |                                                                                                                                                                                                  |         |                                                                             |     |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------|-----|------|
| 3  | <b>Tài chính - Ngân hàng</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Tài chính doanh nghiệp                                                                                                                  | 7340201 | Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh<br>Toán - Hóa - Anh                     | 40  | Toán |
| 4  | <b>Công nghệ thông tin</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Tin học Kinh tế<br>Công nghệ phần mềm<br>Mạng máy tính<br>Khoa học máy tính ứng dụng<br>Công nghệ thông tin địa học<br>Hệ thống thông tin | 7480201 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh                      | 250 | Toán |
| 5  | <b>Kỹ thuật dầu khí</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Khoan khai thác<br>Khoan thăm dò- khảo sát<br>Thiết bị dầu khí<br>Địa chất dầu khí                                                           | 7520604 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                          | 100 | Toán |
| 6  | <b>Công nghệ kỹ thuật hoá học</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Lọc - Hóa dầu                                                                                                                      | 7510401 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Hóa - Sinh<br>Toán - Hóa - Địa | 50  | Toán |
| 7  | <b>Kỹ thuật địa vật lý</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Địa vật lý                                                                                                                                | 7520502 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Hóa - Anh                      | 10  | Toán |
| 8  | <b>Kỹ thuật cơ khí</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Máy và Thiết bị mỏ<br>Máy và Tự động thủy khí<br>Công nghệ chế tạo máy<br>Cơ khí ô tô                                                         | 7520103 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                          | 120 | Toán |
| 9  | <b>Kỹ thuật điện</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Điện công nghiệp<br>Hệ thống điện<br>Điện - Điện tử                                                                                             | 7520201 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                          | 100 | Toán |
| 10 | <b>Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Tự động hóa                                                                                                                | 7520216 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Hóa - Anh                      | 80  | Toán |
| 11 | <b>Kỹ thuật môi trường</b><br>Gồm các chuyên ngành:                                                                                                                                              | 7520320 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                          | 40  | Toán |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|    |                                                                                                                                                                                                         |         |                                                                                                         |     |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|
| 12 | <b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Kỹ thuật địa chất<br>Địa chất công trình – Địa kỹ thuật<br>Địa chất thủy văn – Địa chất công trình<br>Nguyên liệu khoáng<br>Địa chất thăm dò                            | 7520501 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Toán - Lý - Địa</b><br><b>Toán - Hóa - Địa</b>   | 20  | Toán |
| 13 | <b>Địa chất học</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Địa chất học<br>Địa chất đô thị                                                                                                                  | 7440201 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Toán - Lý - Địa</b><br><b>Toán - Hóa - Địa</b>   | 10  | Toán |
| 14 | <b>Địa kỹ thuật xây dựng</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Địa kỹ thuật xây dựng                                                                                                                   | 7580211 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Toán - Lý - Địa</b><br><b>Toán - Hóa - Địa</b>   | 10  | Toán |
| 15 | <b>Kỹ thuật trắc địa - bản đồ</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Trắc địa<br>Trắc địa mô - Công trình<br>Địa chính<br>Bản đồ<br>Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý<br>Trắc địa – Bản đồ | 7520503 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Văn - Toán - Lý</b><br><b>Toán - Văn - Anh</b>   | 40  | Toán |
| 16 | <b>Quản lý đất đai</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Quản lý đất đai                                                                                                                               | 7850103 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Toán - Hóa - Sinh</b><br><b>Toán - Văn - Anh</b> | 40  | Toán |
| 17 | <b>Kỹ thuật mỏ</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Khai thác mỏ<br>Khai thác lộ thiên                                                                                                                | 7520601 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Văn - Toán - Lý</b><br><b>Toán - Văn - Anh</b>   | 50  | Toán |
| 18 | <b>Kỹ thuật tuyển khoáng</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Tuyển khoáng và Tuyển luyện quặng kim loại                                                                                              | 7520607 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Toán - Văn - Anh</b><br><b>Toán - Hóa - Anh</b>  | 20  | Toán |
| 19 | <b>Kỹ thuật xây dựng</b><br><b>Gồm các chuyên ngành:</b><br>Xây dựng công trình ngầm và mỏ<br>Xây dựng công trình ngầm<br>Xây dựng dân dụng và công nghiệp<br>Xây dựng hạ tầng cơ sở                    | 7580201 | <b>Toán - Lý - Hóa</b><br><b>Toán - Lý - Anh</b><br><b>Văn - Toán - Lý</b><br><b>Toán - Hóa - Anh</b>   | 100 | Toán |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|                     |                                                                                                                                                              |             |                                                                              |    |      |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|----|------|
|                     | Lọc – Hòa dầu                                                                                                                                                |             | Toán - Hóa - Anh                                                             |    |      |
| 21                  | <b>Địa tin học</b>                                                                                                                                           | 7480201_TD  | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Văn - Toán - Lý<br>Toán - Hóa - Anh    | 30 | Toán |
| <b>Ngành mở mới</b> |                                                                                                                                                              |             |                                                                              |    |      |
| 22                  | <b>Kỹ thuật Cơ Điện tử</b>                                                                                                                                   | 7520114     | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                           | 50 | Toán |
| 23                  | <b>Khoa học Dữ liệu</b>                                                                                                                                      | 7480109     | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh                       | 40 | Toán |
| 24                  | <b>Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)</b>                                                                                                                  | 7480201_CLC | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh                       | 30 | Toán |
| 25                  | <b>Quản lý công nghiệp</b>                                                                                                                                   | 7510601     | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh                       | 40 | Toán |
| 26                  | <b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>                                                                                                                      | 7850101     | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Hóa - Sinh<br>Văn - Toán - Địa<br>Toán - Văn - Anh | 40 | Toán |
| 27                  | <b>Kỹ thuật cơ khí động lực</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Kỹ thuật cơ khí động lực                                                                         | 7520116     | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                           | 30 | Toán |
| 28                  | <b>Du lịch địa chất</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Du lịch địa chất                                                                                         | 7080101     | Toán - Lý - Địa<br>Toán - Hóa - Địa<br>Văn - Toán - Địa<br>Toán - Văn - Anh  | 20 | Toán |
| 29                  | <b>Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm | 7580201_TD  | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Văn - Toán - Lý<br>Toán - Hóa - Anh    | 40 | Toán |
| 30                  | <b>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Xây dựng và quản lý công trình giao thông đô thị                                  | 7580205     | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Văn - Toán - Lý<br>Toán - Hóa - Anh    | 40 | Toán |

**Phương thức 2: Xét tuyển theo học bạ.**

| TT | Ngành đào tạo | Mã ngành | Tổ hợp xét tuyển | Chỉ tiêu | Môn |
|----|---------------|----------|------------------|----------|-----|
|----|---------------|----------|------------------|----------|-----|

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|   |                                                                                                                                                                                                         |         |                                                                            |     |      |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------|-----|------|
|   |                                                                                                                                                                                                         |         |                                                                            | 020 |      |
| 1 | <b>Quản trị kinh doanh</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Quản trị kinh doanh<br>Quản trị kinh doanh Dầu khí<br>Quản trị kinh doanh Mỏ<br>Quản trị thương mại điện tử                               | 7340101 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh<br>Toán - Hóa - Anh | 40  | Toán |
| 2 | <b>Kế toán</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Kế toán<br>Kế toán tài chính công                                                                                                                     | 7340301 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh<br>Toán - Hóa - Anh | 40  | Toán |
| 3 | <b>Tài chính - ngân hàng</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Tài chính doanh nghiệp                                                                                                                  | 7340201 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh<br>Toán - Hóa - Anh | 40  | Toán |
| 4 | <b>Công nghệ thông tin</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Tin học Kinh tế<br>Công nghệ phần mềm<br>Mạng máy tính<br>Khoa học máy tính ứng dụng<br>Công nghệ thông tin địa học<br>Hệ thống thông tin | 7480201 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Văn - Anh                     | 10  | Toán |
| 5 | <b>Kỹ thuật dầu khí</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Khoan khai thác<br>Khoan thăm dò- khảo sát<br>Thiết bị dầu khí<br>Địa chất dầu khí                                                           | 7520604 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                         | 40  | Toán |
| 6 | <b>Công nghệ kỹ thuật hoá học</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Lọc - Hóa dầu                                                                                                                      | 7510401 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                         | 10  | Toán |
| 7 | <b>Kỹ thuật địa vật lý</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Địa vật lý                                                                                                                                | 7520502 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Hóa - Anh                     | 10  | Toán |
| 8 | <b>Kỹ thuật cơ khí</b><br><i>Gồm các chuyên ngành:</i><br>Máy và Thiết bị mỏ<br>Máy và Tự động thủy khí<br>Công nghệ chế tạo máy                                                                        | 7520103 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                         | 20  | Toán |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|    |                                                                                                                                                                                                   |         |                                                                             |    |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------|----|------|
| 9  | Điện công nghiệp<br>Hệ thống điện<br>Điện – Điện tử                                                                                                                                               | 7520201 | Toán - Lý - Anh<br>Toán - Lý - Anh                                          | 20 | Toán |
| 10 | <b>Kỹ thuật môi trường</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Địa sinh thái và Công nghệ môi trường<br>Kỹ thuật môi trường                                                                               | 7520320 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Hóa - Sinh<br>Toán - Hóa - Anh | 40 | Toán |
| 11 | <b>Kỹ thuật địa chất</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Kỹ thuật địa chất<br>Địa chất công trình – Địa kỹ thuật<br>Địa chất thủy văn – Địa chất công trình<br>Nguyên liệu khoáng<br>Địa chất thăm dò | 7520501 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Lý - Địa<br>Toán - Hóa - Địa   | 20 | Toán |
| 12 | <b>Địa chất học</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Địa chất học<br>Địa chất đô thị                                                                                                                   | 7440201 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Lý - Địa<br>Toán - Hóa - Địa   | 10 | Toán |
| 13 | <b>Địa kỹ thuật xây dựng</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Địa kỹ thuật xây dựng                                                                                                                    | 7580211 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Lý - Địa<br>Toán - Hóa - Địa   | 10 | Toán |
| 14 | <b>Kỹ thuật trắc địa - bản đồ</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Trắc địa<br>Trắc địa mô và Công trình<br>Địa chính<br>Bản đồ<br>Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý<br>Trắc địa – Bản đồ | 7520503 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Văn - Toán - Lý<br>Toán - Văn - Anh   | 30 | Toán |
| 15 | <b>Quản lý đất đai</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Quản lý đất đai                                                                                                                                | 7850103 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Toán - Hóa - Sinh<br>Toán - Văn - Anh | 30 | Toán |
| 16 | <b>Kỹ thuật mỏ</b><br>Gồm các chuyên ngành:<br>Khai thác mỏ<br>Khai thác lộ thiên                                                                                                                 | 7520601 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh<br>Văn - Toán - Lý<br>Toán - Văn - Anh   | 40 | Toán |
| 17 | <b>Kỹ thuật tuyển khoáng</b><br>Gồm các chuyên ngành:                                                                                                                                             | 7520607 | Toán - Lý - Hóa<br>Toán - Lý - Anh                                          | 20 | Toán |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|    |                                                                                                                                                                             |            |                                                                                                 |    |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------|
| 18 | <p>Gồm các chuyên ngành:</p> <p>Xây dựng công trình ngầm và mỏ</p> <p>Xây dựng công trình ngầm</p> <p>Xây dựng dân dụng và công nghiệp</p> <p>Xây dựng hạ tầng cơ sở</p>    | 7580201    | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p> <p>Văn - Toán - Lý</p> <p>Toán - Hóa - Anh</p>    | 50 | Toán |
| 19 | <p><b>Kỹ thuật hoá học - chương trình tiên tiến học bằng tiếng Anh</b></p> <p>Gồm các chuyên ngành:</p> <p>Lọc - Hóa dầu</p>                                                | 7520301    | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p> <p>Toán - Văn - Anh</p> <p>Toán - Hóa - Anh</p>   | 10 | Toán |
| 20 | <b>Địa tin học</b>                                                                                                                                                          | 7480201_TD | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p> <p>Văn - Toán - Lý</p> <p>Toán - Văn - Anh</p>    | 20 | Toán |
| 21 | <b>Quản lý công nghiệp</b>                                                                                                                                                  | 7510601    | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p> <p>Toán - Văn - Anh</p>                           | 20 | Toán |
| 22 | <b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b>                                                                                                                                     | 7850101    | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Hóa - Sinh</p> <p>Văn - Toán - Địa</p> <p>Toán - Văn - Anh</p> | 20 | Toán |
| 23 | <p><b>Kỹ thuật cơ khí động lực</b></p> <p>Gồm các chuyên ngành:</p> <p>Kỹ thuật cơ khí động lực</p>                                                                         | 7520116    | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p>                                                   | 10 | Toán |
| 24 | <p><b>Du lịch địa chất</b></p> <p>Gồm các chuyên ngành:</p> <p>Du lịch địa chất</p>                                                                                         | 7080101    | <p>Toán - Lý - Địa</p> <p>Toán - Hóa - Địa</p> <p>Văn - Toán - Địa</p> <p>Toán - Văn - Anh</p>  | 20 | Toán |
| 25 | <p><b>Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm</b></p> <p>Gồm các chuyên ngành:</p> <p>Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm</p> | 7580201_TD | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p> <p>Văn - Toán - Lý</p> <p>Toán - Hóa - Anh</p>    | 20 | Toán |
| 26 | <p><b>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</b></p> <p>Gồm các chuyên ngành:</p> <p>Xây dựng và quản lý công trình giao thông đô thị</p>                                  | 7580205    | <p>Toán - Lý - Hóa</p> <p>Toán - Lý - Anh</p> <p>Văn - Toán - Lý</p> <p>Toán - Hóa - Anh</p>    | 20 | Toán |

1.5 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

1.6 Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2020

Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020;

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

hạng không xếp loại và từ 18 trở lên;

Tổng điểm trung bình các môn học theo khối thi của 3 học kỳ THPT: lớp 11 và kỳ I lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên.

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng HSG theo kết quả học THPT, HSG cấp quốc gia, quốc tế

Phương thức 4: Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 22/06/2020) đạt IELTS 4.5 trở lên hoặc TOEFL ITP 450 trở lên hoặc TOEFL iBT 53 trở lên và có tổng điểm 2 môn thi THPTQG năm 2020 theo tổ hợp môn xét tuyển của Trường trừ môn thi Tiếng Anh, đạt từ 10 điểm trở lên, trong đó có môn thi Toán.

1.7 Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo...

Nguyên tắc xét tuyển chung: Xét tuyển từ điểm cao xuống điểm thấp và đảm bảo tiêu chí chất do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; đảm bảo đủ chỉ tiêu đã duyệt.

1.8 Chính sách ưu tiên: Tổ chức tuyển thẳng; tổ chức Ưu tiên xét tuyển;..

Chính sách ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng được thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hệ đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Ưu tiên thí sinh tại các khu vực Vùng cao, vùng sâu đặng ký vào học tại các ngành Địa chất, Trắc địa, Mỏ (Học bổng, chỗ ở, hỗ trợ của doanh nghiệp, việc làm sau ra trường...).

1.9 Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển;

Nhà trường thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### THÔNG TIN ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN ĐÂY

| TT       | Ngành đào tạo                             | Mã ngành | Khối thi           | Điểm TT năm |       |
|----------|-------------------------------------------|----------|--------------------|-------------|-------|
|          |                                           |          |                    | 2019        | 2018  |
| <b>A</b> | <b>Hệ Đại học tại Hà Nội</b>              |          |                    |             |       |
| 1        | Quản trị kinh doanh                       | 7340101  | A00; A01; D01; D07 | 14.00       | 14.00 |
| 2        | Kế toán                                   | 7340301  | A00; A01; D01; D07 | 14.00       | 14.00 |
| 3        | Tài chính - ngân hàng                     | 7340201  | A00; A01; D01; D07 | 14.00       |       |
| 4        | Công nghệ thông tin                       | 7480201  | A00; A01; C01; D01 | 15.00       | 14.00 |
| 5        | Kỹ thuật dầu khí                          | 7520604  | A00; A01           | 15.00       | 15.00 |
| 6        | Công nghệ kỹ thuật hoá học                | 7510401  | A00; A01; D07      | 15.00       | 15.00 |
| 7        | Kỹ thuật địa vật lý                       | 7520502  | A00; A01           | 15.00       | 15.00 |
| 8        | Kỹ thuật cơ khí                           | 7520103  | A00; A01           | 14.00       | 14.00 |
| 9        | Kỹ thuật điện                             | 7520201  | A00; A01           | 14.00       | 14.00 |
| 10       | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá        | 7520216  | A00; A01; D07      | 17.50       | 16.00 |
| 11       | Kỹ thuật môi trường                       | 7520320  | A00; A01; B00      | 14.00       | 14.00 |
| 12       | Kỹ thuật địa chất                         | 7520501  | A00; A01; A04; A06 | 14.00       | 14.00 |
| 13       | Địa chất học                              | 7440201  | A00; A01; A04; A06 | 14.00       |       |
| 14       | Địa kỹ thuật xây dựng                     | 7580211  | A00; A01; A04; A06 | 14.00       |       |
| 15       | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ                | 7520503  | A00; A01; C01; D01 | 14.00       | 14.00 |
| 16       | Quản lý đất đai                           | 7850103  | A00; A01; B00; D01 | 14.00       | 14.00 |
| 17       | Kỹ thuật mỏ                               | 7520601  | A00; A01; C01; D01 | 14.00       | 14.00 |
| 18       | Kỹ thuật tuyển khoáng                     | 7520607  | A00; A01; D01; D07 | 14.00       | 14.00 |
| 19       | Kỹ thuật xây dựng                         | 7580201  | A00; A01; C01; D07 | 14.00       | 14.00 |
| 20       | Kỹ thuật hoá học – CTTT                   | 7520301  | A00; A01; D01; D07 | 15.00       | 15.00 |
| <b>B</b> | <b>Dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT</b> |          |                    |             |       |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

|    |                                    |         |                    |       |       |
|----|------------------------------------|---------|--------------------|-------|-------|
| 4  | Địa chất học                       | 7440201 | A00; A01; A04; A06 | 18.00 |       |
| 5  | Công nghệ thông tin                | 7480201 | A00; A01; C01; D01 | 25.90 |       |
| 6  | Công nghệ kỹ thuật hoá học         | 7510401 | A00; A01; D07      | 20.70 | 19.00 |
| 7  | Kỹ thuật cơ khí                    | 7520103 | A00; A01           | 18.00 |       |
| 8  | Kỹ thuật điện                      | 7520201 | A00; A01           | 18.00 |       |
| 9  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 7520216 | A00; A01; D07      | 24.10 |       |
| 10 | Kỹ thuật môi trường                | 7520320 | A00; A01; B00      | 18.00 | 19.00 |
| 11 | Kỹ thuật địa chất                  | 7520501 | A00; A01; A04; A06 | 18.00 |       |
| 12 | Kỹ thuật địa vật lý                | 7520502 | A00; A01           | 19.50 |       |
| 13 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ         | 7520503 | A00; A01; C01; D01 | 19.00 | 19.00 |
| 14 | Kỹ thuật mỏ                        | 7520601 | A00; A01; C01; D01 | 18.30 | 19.00 |
| 15 | Kỹ thuật dầu khí                   | 7520604 | A00; A01           | 18.10 | 19.00 |
| 16 | Kỹ thuật tuyển khoáng              | 7520607 | A00; A01; D01; D07 | 18.00 |       |
| 17 | Kỹ thuật xây dựng                  | 7580201 | A00; A01; C01; D07 | 19.97 | 19.00 |
| 18 | Địa kỹ thuật xây dựng              | 7580211 | A00; A01; A04; A06 | 21.90 |       |
| 19 | Quản lý đất đai                    | 7850103 | A00; A01; B00; D01 | 18.00 | 19.00 |

Nguyễn Quốc Dũng

(HĐTS)

**CÁC BÀI VIẾT KHÁC**

- Kết quả xét tuyển nguyện vọng bổ sung đợt 1 năm 2019 (28/08/2019)
- Thông báo thủ tục nhập học hệ đại học năm 2019 (08/08/2019)
- Thông báo xét tuyển bổ sung đại học chính quy năm 2019 (05/08/2019)
- Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 hệ đại học chính quy năm 2019 (05/08/2019)
- Tra cứu mã Sở Giáo dục và Đào tạo (21/07/2019)
- Mẫu phiếu điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển 2019 (21/07/2019)
- Trường Đại học Mỏ - Địa chất thông báo ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với các ngành năm 2019 (17/07/2019)
- Thông báo thủ tục xác nhận nhập học hệ đại học năm 2019 - đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT (17/07/2019)
- Thông báo thủ tục nhập học hệ đại học năm 2019 - đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập ở cấp THPT (09/07/2019)
- Kết quả xét tuyển thẳng dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT năm 2019 (07/07/2019)